

VỀ VIỆC BIỂU HIỆN Ý NGHĨA ĐÁNH GIÁ CỦA MỘT SỐ TRỢ TỪ NHẤN MẠNH

Đào Văn Hùng

*Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội*

1. Trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ nói chung cũng như trong giao tiếp tiếng Việt, ý nghĩa đánh giá có thể được thể hiện một cách trực tiếp bằng việc dùng các vị từ đánh giá và các phụ từ đánh giá chỉ mức độ. Trong những trường hợp này, các nội dung đánh giá thường được nhận diện một cách khá dễ dàng bởi chúng có thể được quy về những thể đối chiếu hay các thang độ đánh giá sẵn có trong hệ thống ngôn ngữ. Chẳng hạn, các vị từ đánh giá về số lượng: *nhiều/ít* hay các phụ từ đánh giá mức độ của tính chất như: *rất, quá, lắm, khá, hơi...*

Ví dụ:

- 1a) Anh ta thường khoe khoang mình biết *nhiều* ngoại ngữ.
- 1b) Chị ấy có *ít* bạn.
- 1c) Ai cũng bảo vợ anh Hoàng *rất* tháo vát.
- 1d) Đạo này, cá đất *lắm*.
- 1e) Con trai họ học toán *khá* giỏi.
- 1g) Nước da cô ấy *hơi* xanh.

Tuy nhiên, phạm trù giá trị trong ngôn ngữ được thể hiện hết sức đa dạng, nhất là khi nó được hình thành qua lăng kính của từng người nói trong quá trình giao tiếp thực tế. Cách nhìn nhận về giá trị còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố cá biệt liên quan đến mỗi cá nhân như: những đặc điểm riêng về hoàn cảnh gia đình và xã hội, về nghề nghiệp, về trình độ hiểu biết, về cương vị xã hội v.v...

Trong tiếng Việt, ngoài các vị từ đánh giá và các phụ từ đánh giá chỉ mức độ như đã nói ở trên, người ta còn dùng một số trợ từ nhấn mạnh để biểu thị ý nghĩa đánh giá. Đó là các trợ từ thường được sử dụng trước một từ hay nhóm từ với tư cách được xem như là các từ phụ trợ chuyên dùng để nhấn mạnh từ hay nhóm từ đi sau chúng, chẳng hạn như: *đến, những, hẳn, mỗi, độc, thôi...*

Ví dụ:

1h) Ông ấy có thể nặng *đến* trên 80 cân đấy.

1i) Thời bây giờ mà để *những* 4 con kia à?

1k) Có *mỗi* chưa đây tĩ mà cũng đòi mua biệt thự.

...

2. Nói chung, biểu thị ý nghĩa đánh giá là một trong những vai trò có tính đặc trưng của các trợ từ nhấn mạnh. Tuy nhiên, khác với các vị từ đánh giá và các phụ từ đánh giá chỉ mức độ, nội dung đánh giá của các trợ từ luôn có tính chất ngầm ẩn, mang tính chủ quan của người nói và thường khó có thể dùng những “lí lẽ chung” để giải thích. Việc biểu thị ý nghĩa đánh giá của nhóm trợ từ nhấn mạnh “*những, hẳn, đến, tới, cơ*” thể hiện rõ điều này. Chẳng hạn, so sánh:

2a) *Hẳn có những* ba đồng.

2b) *Hẳn có những* một đồng.

Ở câu 2a, người ta có thể giải thích theo kiểu *ba* là thuộc về số nhiều, do đó *ba đồng* được xem (hay được đánh giá) là nhiều là hoàn toàn hợp lí. Và, trợ từ “*những*” thể hiện vai trò nhấn mạnh sự đánh giá của người nói rằng *ba đồng* là nhiều. Nhưng với 2b, người ta lại không thể giải thích như vậy mà phải giải thích theo kiểu khác.

Cách giải thích vừa nêu đối với câu 2a như trên không thể dùng để giải thích cho câu 2b được. Bởi vì, ở 2b, ta có thể thấy có sự khác biệt về mặt ý nghĩa đánh giá của trợ từ khi so sánh với vị từ đánh giá “*nhiều*”. Trong trường hợp này, *một* là từ chỉ số lượng ít nhưng sự xuất hiện trợ từ “*những*” trước nó thì “*một*” lại có thể được đánh giá là *nhiều* trong quan hệ có tính riêng biệt giữa cá nhân người nói với hiện thực được nói đến.

Ý nghĩa đánh giá ngầm ẩn của trợ từ thường mang tính biến động rất linh hoạt. Điều này thể hiện ở chỗ việc giải thích ý nghĩa do chúng biểu thị luôn phụ thuộc vào những phát ngôn cụ thể, những tình huống cụ thể.

Ví dụ:

2c) Anh ấy mua *hắn* hai chiếc áo một lúc.

2d) Chị ấy mua *hắn* một cái áo mới.

2e) Nó mua *hắn* một cái áo ấm.

2g) Sau khi cưới, vợ chồng *hắn* mua *hắn* một căn hộ.

Ở câu 2c, ý nghĩa của *hắn* có thể được nhận diện qua việc so sánh với sự kiện *mua một chiếc áo*. Ở 2d, ý nghĩa của *hắn* lại có thể được nhận diện trong một tương quan nào đó để có thể nghĩ rằng việc *mua một cái áo mới* có thể xem là trên mức khả năng tài chính của người phát ngôn. Ở 2e có thể được nhận diện qua tương quan so sánh giữa giá cả của *áo ấm* và *áo thường* hay những gì có giá thấp hơn; hoặc so sánh với mức/khả năng trung bình v.v... Ở 2g, tuy gần giống với 2e nhưng ý nghĩa của *hắn* lại có thể được xét trong tương quan so sánh mức sống trung bình của xã hội hoặc so sánh khả năng của một loại đối tượng nào đó.

Tuy nhiên, những ví dụ được phân tích ở trên cũng chưa bao quát hết được ý nghĩa đánh giá ngầm ẩn của *hắn*. Bởi vì, những ý nghĩa này, tùy thuộc vào từng ngữ cảnh cụ thể, từng đối tượng tham gia giao tiếp cụ thể và những gì liên quan đến họ mà có những biểu thị khác nhau, chẳng hạn:

- *Sang năm được mùa, thầy u mua hắn cho mày hai chiếc áo*

Trong một tình huống nào đó *mua hắn một chiếc áo* lại là sự xa xỉ bởi vì theo suy nghĩ của người nói thì *mua một chiếc* đã tốn kém rồi, có thể là *mua trong lúc phải chạy ăn từng bữa*, có thể là *trong lúc bố mẹ, anh chị em còn rất nghèo khó*, hay *trong lúc gia đình còn nợ nần chồng chất v.v...*

3. Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý đến những nội dung có tính ngữ dụng khác mà nhiều khi không liên quan trực tiếp đến nội dung ngữ nghĩa

vốn có của các trợ từ, trong đó đáng lưu ý hơn cả là những nội dung đánh giá có tính mỉa mai, chê trách... thường được sử dụng rất phổ biến. Chẳng hạn, xét đoạn hội thoại sau:

3a) *Tớ có những ba đồng.*

3b) *Những ba đồng kia à ! Còn tớ chỉ có mười đồng thôi.*

Rõ ràng là *những* ở 3a hoàn toàn khác với *những* ở 3b. *Những* của 3b bình thường thì có thể ngụ ý tán thưởng, thần phục hay ghen tỵ... nhưng nếu đi kèm với *Còn...* *thôi* thì có thể sẽ ngụ ý châm biếm, mỉa mai hoặc giả trêu trọc, xem thường v.v...

4. Dạng ý nghĩa đánh giá có tính khá phổ biến của các trợ từ là đánh giá về *lượng*. Lượng ở đây được phân thành thể đối lập *nhieu/ít*. Với ý nghĩa đánh giá *nhieu* là các trợ từ: *những, đến, tới, hẳn* và *cơ* (cơ thường ở vị trí cuối câu, phát ngôn). Ở trên, chúng ta đã đưa ra những ví dụ cho *những* và *hẳn*. Sau đây là các ví dụ cho các từ: *đến, tới* và *cơ*:

4a) Gia tài của hẳn có *tới* hàng vạn.

4b) Trong nhà có *đến* ba chiếc xe máy.

4c) Tớ có năm mươi nghìn đồng *cơ*!

Các trợ từ trên lại có thể sử dụng ở dạng kết hợp, cùng xuất hiện đồng thời ở trong câu-phát ngôn với ý nghĩa có tính chất tăng cường về mức độ đánh giá *lượng nhiều*.

Ví dụ:

4d) Làm gì mà mua *đến những* ba đôi tất?

4e) Giá một phòng lên *tới những* hai trăm ngàn đồng đấy.

4g) Ông ta mua *hẳn* một lúc ba cái ô *cơ*!

4h) Tớ có *đến những* mười ngàn đồng *cơ*!

Tất nhiên, khái niệm *lượng* ở đây không chỉ thuần túy về mặt số lượng. Trong rất nhiều trường hợp, chúng là sự đánh giá về việc có nhiều, có ở một mức độ lớn những cái mà không thể cân, đo, đong, đếm được một cách cụ thể, mà theo một cung cách ước lượng trừu tượng nào đó.

Ví dụ:

4i) ... Mở nắm cơm định ăn, nhưng bụng *những* mừng mà nó không ăn được. [7, 124]

4k) Mùi hương thơm *đến* băng khuâng. [7, 127]

5. Mặt khác, cũng chính cái việc có nhiều, ở một mức độ lớn đó mà nó đã gây nên những ý nghĩa phụ khác, trong đó thường thấy nhất là ý nghĩa ngạc nhiên, thán phục, (thậm chí ghen tỵ khi người nói không phải là chủ sở hữu), hay ý nghĩa khoe khoang, tự đắc (khi người nói là chủ sở hữu).

Ví dụ:

5a) Tớ có *những* mười ngàn đồng.

5b) *Những* mười ngàn kia à!

Ở thế đối lập khác là ý nghĩa đánh giá *ít* của các trợ từ như: *mỗi, chỉ, độc, thôi...*

Ví dụ:

5c) Áo quần thì dui dọ, trong túi *chỉ* có vài đồng tiền lẻ.

5d) Có *mỗi* hai chục mà cũng đòi sắm sửa.

5e) Cô mang gì về cho nhà này, *độc* chiếc xe đạp với năm mét vải.

5g) Hai hào *thôi* à? (Hai hào thì cắt đi cho khuất mắt ông).

Về mặt sử dụng, *mỗi* và *độc* tuy có thể thay thế cho nhau trong khá nhiều trường hợp, nhưng *độc* thường được sử dụng với ý nghĩa tăng cường, mạnh hơn *mỗi* với ý thiên về *chỉ có một* sự vật, đối tượng nào đó. Riêng *thôi* luôn giữ vị trí đi sau đối tượng, sự vật được đánh giá là *ít* ở trong câu-phát ngôn.

6. Về phương diện ý nghĩa, *thôi* hướng sự đánh giá tới một mức độ có tính giới hạn, và ở mức độ giới hạn này, nó được xem như là *ít* so với mức độ, nhu cầu được đòi hỏi nào đó.

Ví dụ:

6a) - Chà, sao trông hoàn cảnh thế!

- Lương tháng có hai trăm *thôi* nên cũng đành phải chịu vậy.

Lẽ dĩ nhiên là không phải lúc nào nó cũng bao hàm ý nghĩa đó. Bởi từ ý nghĩa hàm ẩn *ít* này, tùy từng trường hợp mà có những hàm ý khác nhau.

Ví dụ:

6b) Cả đi lẫn về chỉ độ vài ngày *thôi*.

6c) Có hai đồng một cái *thôi*.

6d) Nói để biết vậy *thôi*.

Có thể thấy rằng ở 6b người nói ngụ ý *không mất nhiều thời gian* do vậy nên hoặc có thể đi. Ở 6c lại ngụ ý *rẻ, không mất nhiều tiền*, do vậy nên hoặc có thể mua. Ở 6d lại thiên về mức độ giới hạn: chỉ để biết, không nên có phản ứng gì thêm và mục đích của người nói cũng chỉ giới hạn trong phạm vi đó, không đòi hỏi gì thêm cả.

Nói chung, *thôi* thường mang ý *giới hạn ở mức thấp, ít hơn* và do đó, nó thường hay được dùng để mặc cả khi mua bán.

Ví dụ:

6e) Loại này thì tám nghìn một cân.

6g) Sao đắt thế ! Ba nghìn *thôi*.

7. Cũng như các trợ từ mang ý nghĩa đánh giá *nhiều* về lượng, các trợ từ có ý nghĩa đánh giá *ít* cũng có thể xuất hiện ở dạng kết hợp, cùng xuất hiện trong câu-phát ngôn.

Ví dụ:

7a) Tôi *chỉ* có mỗi mười nghìn đồng.

7b) Tôi *chỉ* có mười nghìn đồng *thôi*.

7c) Tôi có *mỗi* mười nghìn đồng *thôi*.

7e) Tôi *chỉ* có *độc mỗi* mười nghìn đồng *thôi*.

8. Những ví dụ và những phân tích ở trên chắc chắn chưa phản ánh hết những biểu hiện khác nhau trong việc biểu thị ý nghĩa đánh giá của các trợ từ nhấn mạnh trong tiếng Việt. Tuy nhiên qua đó, chúng ta có

thể nhận thấy vai trò đặc biệt của trợ từ trong việc biểu thị ý nghĩa đánh giá một cách ngầm ẩn, ý nhị của những người tham gia đối thoại. Đó là những yếu tố hết sức quan trọng trong phong cách hội thoại, trong việc diễn đạt một cách tinh tế, sinh động những nội dung cần truyền đạt, trong việc gửi gắm những thông tin phụ đặc biệt từ người nói đến người nghe và hơn nữa trong việc ngụ ý, mượn lời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, T1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Đông (1991), *Ngữ nghĩa ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: ý nghĩa đánh giá của các hư từ*, Tạp chí “Ngôn ngữ” số 2.
3. Đinh Văn Đức (1985), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB ĐH và THCN, Hà Nội.
4. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, T1, NXB KHXH, Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Quế (1998), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB KHXH, Hà Nội.
6. Đinh Văn Đức (1985), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB ĐH và THCN, Hà Nội.
7. Nhiều tác giả (1976), *Truyện ngắn chọn lọc (33 truyện 1945 - 1975)*, NXB Tác phẩm mới.
8. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.